

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày 23/8/2024

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thu Uyên và ông Nguyễn Hữu Lỗi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Linh Ngân – Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Thái Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/ QĐ-ST ngày 14/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở: Số M, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn T - chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đ – Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định số 2665/QĐ-N – PC của Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Địa chỉ: T3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người được ủy quyền lại: Ông Võ Trọng H, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Đ, theo văn bản ủy quyền số 241/QĐ – N – ĐS ngày 14/6/2024 của Giám đốc Chi nhánh Đ, tỉnh Đăk Nông.

Ông Huỳnh Quang M, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Đ, theo văn bản ủy quyền số 368A/QĐ – N – ĐS ngày 22/8/2024 của Giám đốc Chi nhánh Đ, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978 – Vắng mặt.

Anh Vũ Quang H, sinh năm: 2003 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: T1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Hoàng Bảo N, sinh năm 2008

– vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho chị Nhi: bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ) – Vắng mặt.

Địa chỉ: T1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Võ Trọng H, ông Huỳnh Quang M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/01/2023 bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Quang H ký hợp đồng tín dụng số 5305LAV202300056 vay vốn của Ngân hàng N - Chi nhánh Đ với số tiền gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), mục đích vay vốn: Phục hồi vườn tiêu, thời hạn cho vay 36 tháng đến hết ngày 06/01/2026, lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, đến hạn trả gốc, lãi như thỏa thuận trong hợp đồng bà M và anh H trả được một phần lãi là 16.501.369 đồng. Đến hạn không trả gốc và lãi như đã thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ lần 1 nên toàn bộ gốc và lãi của hợp đồng đã chuyển sang nợ quá hạn.

Để đảm bảo khoản vay trên bà M và anh H đã thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của mình tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 34722/TC ngày 03 tháng 01 năm 2020; văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 037178011164/PLTC ngày 06/01/2023.

Ngân hàng đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tính đến ngày 23/08/2024, tổng dư nợ của bà M và anh H tại Ngân hàng N - Chi nhánh Đ – tỉnh Đắk Nông tổng số nợ gốc và lãi là 226.615.069 đồng (Bằng chữ: *Hai trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 200,000,000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 24.252.056 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 2.363.014 đồng (kèm theo bảng kê tính lãi của ngân hàng).

Kể từ ngày 24/8/2024 Ngân hàng tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Quang H không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản mà bà M và anh H đang thế chấp tại ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã ký. Trường hợp số tiền thu được từ tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ thì bà M và anh H phải tiếp tục trả số nợ còn lại đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

**Bị đơn anh Vũ Quang H trình bày tại phiên tòa:* Việc vay vốn như đại diện Ngân hàng trình bày tại phiên tòa là đúng, anh H không có ý kiến hay bổ sung gì. Do anh H là con nên việc giải quyết trả nợ hay các việc khác do mẹ là bà Nguyễn Thị M quyết định. Vì vậy, anh H yêu cầu căn cứ hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng đối với hợp

đồng tín dụng số 5305LAV202300056 ngày 06/01/2023 như anh H và bà M đã ký về gốc và lãi để giải quyết.

Về tài sản thế chấp: Chỉ liên quan đến bà M là mẹ, anh H và chị N như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện không còn liên quan đến ai khác nên căn cứ Hợp đồng thế chấp để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Hoàng Bảo N:* Theo kết quả xác minh tại địa phương thì các đương sự có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, hiện nay đang sinh sống tại địa phương, Tòa án đã đề nghị trưởng thôn tổng đạt nhưng các đương sự không chấp hành giấy triệu tập, thông báo phiên công khai chứng cứ, hoà giải của Tòa án. Trên cơ sở đó Tòa án tiến hành lập các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự để giải quyết. Tại các phiên Tòa bà Nguyễn Thị M đều có mặt tại Tòa án, nhưng không tham gia phiên toà, mà từ bỏ việc tham gia phiên Tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã căn cứ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành tốt; đối với bị đơn anh Vũ Quang H có mặt tại phiên toà, bà Nguyễn Thị M có mặt tại các phiên toà nhưng không tham gia mà từ bỏ việc tham gia tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Hoàng Bảo N, do bà M là người đại diện hợp pháp cho chị N không chấp hành. Tuy nhiên, căn cứ quy định của pháp luật, Tòa án tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng các đương sự chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật giải quyết và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

-Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, 73, Điều 147, 157, Điều 173, 174, 175, 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 100, 102, 103, 209, 210 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Áp dụng các Điều 280 và Điều 282 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N, buộc bà Nguyễn Thị M, ông Vũ Quang H phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị M, ông Vũ Quang H tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số: 5305LAV202300056 ngày 06/01/2023 như đã thỏa thuận trong hợp đồng đối với số tiền gốc chưa thi hành kể từ ngày 24/8/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì bà M và anh H phải tiếp tục chịu lãi suất như thỏa thuận cho Ngân hàng N cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trong trường hợp Nguyễn Thị M, ông Vũ Quang H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ

thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 34722/TC ngày 03 tháng 01 năm 2020; văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 037178011164/PLTC ngày 06/01/2023 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

[1] Ngân hàng N khởi kiện yêu bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Quang H phải trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 24.252.056 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.363.014 đồng. Tại thời điểm vay vốn bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Quang H sinh sống tại T1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Căn cứ kết quả xác minh hiện nay bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sinh sống tại địa phương, Tòa án đề nghị Thôn trưởng giao các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, Tòa án lập các biên bản theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà bị đơn anh Vũ Quang H chấp hành tốt. Bị đơn bà M có mặt tại các phiên toà nhưng không chấp hành phiên toà, từ bỏ việc tham gia tố tụng, chị N có mặt tại phiên toà lần thứ nhất, phiên toà lần thứ 2 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định.

Việc đương sự không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Xét nội dung tranh chấp:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 5305LAV202300056 ngày 06/01/2023 thì khoản vay trên bà M và anh H đã để quá hạn, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng chỉ thu được một phần lãi suất; phần còn lại không có khả năng trả. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Mục đích vay vốn của bà M và anh H là phục vụ đầu tư rẫy cà phê và tiêu. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M và anh H có trách nhiệm trả nợ là đúng quy định của pháp luật. Hiện nay, khoản vay này đã quá hạn không thực hiện nên Ngân hàng đã khởi kiện. Tính đến ngày xét xử bà M và anh H còn nợ Ngân hàng N số tiền gốc là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi của hợp đồng tín dụng tính đến ngày 23/8/2024, do Ngân hàng lập bảng kê tính lãi cung cấp cho Tòa án. Qua đối chiếu kiểm tra dựa trên hợp đồng về lãi suất các bên thỏa thuận thì bà M và anh H còn

nợ tổng tiền lãi là 26.615.069 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 24.252.056 đồng, lãi quá hạn 2.363.014 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi của là 226.615.069 đồng (*Hai trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng*). Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[3.1] Về số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 24/8/2024. Theo hướng dẫn tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì bà M và anh H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5305LAV202300056 ngày 06/01/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì bà M và anh H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng như đã thể hiện trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

[3.2] Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Quang H đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất thế chấp bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 34722/ TC ngày 03/01/2020 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 037178011164/PLTC, đối với các tài sản:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C8 692417 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 25/12/2019, tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 04, diện tích: 175 m², đất ở tại nông thôn, nguồn gốc đất nhận thừa kế đất được công nhận QSDĐ, đất tọa lạc tại T1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C8 692420, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 25/12/2019, thửa đất số 131, tờ bản đồ số 04, diện tích: 22.370 m², đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại T6, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Việc thế chấp quyền sử dụng đất trên được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ số 30, quyền số 01 TP/ CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2020, văn bản thỏa thuận bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 06/01/2023 ký tại Văn phòng công chứng Đ số 103, quyền số 01/2023 TP. CC-SCC/HĐGD ngày 06/01/2023; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Đ ngày 06/01/2020. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì tài sản thế chấp trên có diện tích đúng với diện tích bà M và anh H được cấp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là tài sản đứng tên bà M, người thừa kế tài sản anh Vũ Quang H, người đại diện cho những người được thừa kế chị Vũ Hoàng Bảo N, sinh năm 2008 cùng ký đại diện bên vay thế chấp tài sản. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn phù hợp với quy định tại các Điều 317, Điều 318, 319 Điều 323 Bộ luật dân sự.

[3.3] Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà M và anh H không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 226.615.069 đồng x 5% =

11.330.753 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng, Ngân hàng N đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, bà Nguyễn Thị M và anh H phải chịu toàn bộ số tiền trên nên cần buộc bà Nguyễn Thị M và anh H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền 3,000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, 73, Điều 147, 157, Điều 173, 174, 175, 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 100, 102, 103, 209, 210 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Áp dụng các Điều 280 và Điều 282 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Quang H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền tổng cộng cả gốc và lãi là 226.615.069 đồng (*Hai trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), tổng tiền lãi là 26.615.069 đồng (Trong đó lãi trong hạn: 24.252.056 đồng, lãi quá hạn 2.363.014 đồng), thời hạn tính tiền lãi tính đến ngày 23/8/2024.

Kể từ ngày 24/8/2024, bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Quang H tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo hợp đồng tín dụng số: 5305LAV202300056 ngày 06/01/2023 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì bà M và anh H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng như đã thể hiện trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Quang H không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp hợp đồng thế chấp số 34722/ TC ngày 03/01/2020 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 037178011164/PLTC để thu hồi nợ cho Ngân hàng, các tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C8 692417 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 25/12/2019, tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 04, diện tích: 175

m², đất ở tại nông thôn, nguồn gốc đất nhận thừa kế đất được công nhận QSDĐ, đất tọa lạc tại T1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C8 692420, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 25/12/2019, thửa đất số 131, tờ bản đồ số 04, diện tích: 22.370 m², đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại T1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS: Buộc bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Quang H phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Quang H phải nộp lại để hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại Tòa án.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Quang H phải nộp 11.330.753 đồng (*Mười một triệu, ba trăm ba mươi nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 5.374.000 đồng (*Năm triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004093 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà

